

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

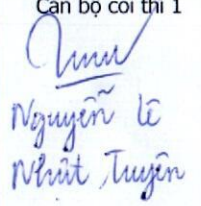
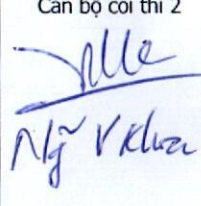
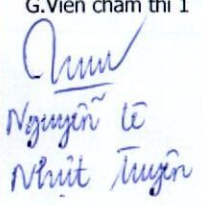
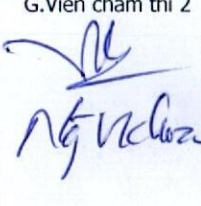
Môn học: **Thí nghiệm điều khiển và điều chỉnh tự động (228165) - Nhóm 02**

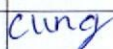
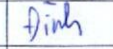
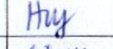
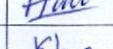
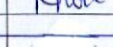
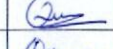
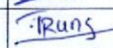
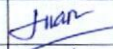
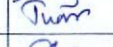
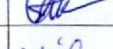
CBGD: **Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)**

Số SV có mặt:17.....

Số bài thi:17.....

Số tờ giấy thi:17.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Lê Nhựt Tuyên	 Nguyễn Văn Khoa	 Nguyễn Lê Nhựt Tuyên	 Nguyễn Văn Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B				6.8	5.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B				6.6	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B				5.4	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B				8.3	8.5	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2118150033	NGÔ ANH KHOA	14/12/1999	CCQ1815A				7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2118150048	TRƯƠNG KHÁNH NGUYỄN	11/07/2000	CCQ1815A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120150039	BÙI LƯƠNG VĂN PHÚC	24/09/2002	CCQ2015B				6.7	5.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B				8.0	8.5	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120150044	NGUYỄN DUY QUANG	19/09/1999	CCQ2015B				6.2	5.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120150045	VÕ MINH QUÂN	03/01/2002	CCQ2015B				6.2	5.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120150053	TRẦN ĐÌNH THÀNH	13/04/2002	CCQ2015B				7.0	6.5	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120150047	NGUYỄN VĂN TRUNG	16/08/2002	CCQ2015B				7.1	6.5	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B				6.6	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120110033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	04/10/2002	CCQ2015B				7.2	6.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120150055	TRẦN VĂN VÀNG	29/05/2002	CCQ2015B				7.3	8.5	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A				6.3	5.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150034	HUỖNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A				7.5	8.5	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A				6.8	6.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

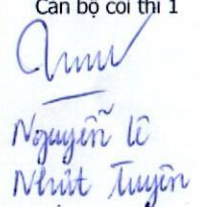
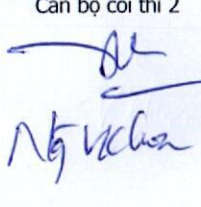
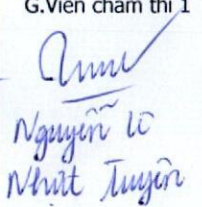
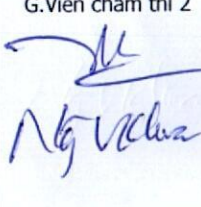
Môn học: **Thí nghiệm điều khiển và điều chỉnh tự động (228165) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)**

Số SV có mặt:18.....

Số bài thi:18.....

Số tờ giấy thi:18.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Lê Nhựt Tuyên	 Nguyễn Lê Nhựt Tuyên	 Nguyễn Lê Nhựt Tuyên	 Nguyễn Lê Nhựt Tuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150002	LÊ TUẤN ANH	11/08/2002	CCQ2015A				8.3	8.0	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150001	VÕ ĐỨC ANH	17/08/2002	CCQ2015A				6.8	5.5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150005	LÊ CÔNG DANH	16/04/2002	CCQ2015A				7.3	6.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120150006	LÊ HẢI DUY	07/11/2002	CCQ2015A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2118150011	LÊ NHẬT ĐÀI	31/05/2000	CCQ1815A				7.8	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2118150017	NGUYỄN LONG ĐỨC	04/12/2000	CCQ1815A				5.3	5.0	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2118150026	LÊ VĂN HIẾU	27/01/2000	CCQ1815A				5.5	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121150043	ĐỖ VIỆT HÙNG	08/01/1997	CCQ2115B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A				7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A				7.7	6.5	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120150015	LÊ QUỐC KHÁNH	09/09/2002	CCQ2015A				8.7	8.5	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A				7.7	6.5	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2118150034	TRẦN NGUYỄN MẠNH KHƯƠNG	27/06/2000	CCQ1815A				8.1	8.5	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A				7.0	6.5	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120150022	TRẦN HỮU SANG PHÔNG	21/06/2001	CCQ2015A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	11/02/2002	CCQ2015A				6.7	6.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150025	NGUYỄN NGỌC SON	05/02/2002	CCQ2015A				7.7	6.5	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A				6.4	6.8	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120150027	NGUYỄN MINH THANH	15/08/2002	CCQ2015A				6.7	6.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120150028	LÊ XUÂN THƯƠNG	29/08/2001	CCQ2015A				6.8	5.5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

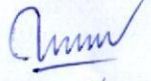
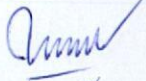
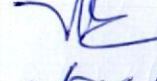
Môn học: **Thí nghiệm điều khiển và điều chỉnh tự động (228165) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)**

Số SV có mặt: 18.....

Số bài thi: 18.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Lê Nhật Tuyên	 Nguyễn Lê Nhật Tuyên	 Nguyễn Lê Nhật Tuyên	 Nguyễn Lê Nhật Tuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120150032	PHẠM HUỲNH ANH TÚ	05/05/2002	CCQ2015A				7.3	7.0	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)